

BÁO CÁO

Kết quả báo cáo giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh trước kỳ họp thứ 26, HĐND tỉnh khóa VIII

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Văn bản số 3137/UBND-TH ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh về việc tham mưu báo cáo giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu trước kỳ họp thứ 26, HĐND tỉnh khóa VIII theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 208/HĐND-CTHD ngày 08/7/2024.

Sau khi tổ chức rà soát, Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo như sau:

Trên cơ sở nội dung yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 208/HĐND-CTHD ngày 08/7/2024; căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý và ý kiến, kiến nghị của cử tri được gửi đến Kỳ họp thứ 26, HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả như Phụ lục đính kèm.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó GD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCHC, KHTC_(SH).

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa

Phụ lục

Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp thứ 26, HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026

(Kèm theo Báo cáo số: /SNN-KHTC ngày 10/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Về nông nghiệp, nông thôn

(i) Một số Tổ đại biểu có ý kiến: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh đã có 75/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 74,3%), trong đó 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bình quân tiêu chí toàn tỉnh là 16,1 tiêu chí/xã (tăng 1,8 tiêu chí/xã so với năm 2023); 93 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu; 04 thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt chuẩn thôn nông thôn mới. Tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ trình Bộ NN&PTNT thẩm định đối với 02 huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo bằng nhiều giải pháp về cơ chế chính sách; huy động, bố trí nguồn lực; phân công đỡ đầu, hỗ trợ; phát động phong trào thi đua huy động cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng nông thôn mới... Nhờ vậy, đến nay toàn tỉnh đã có 75/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 74,3%), trong đó 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bình quân tiêu chí toàn tỉnh là 16,1 tiêu chí/xã (tăng 1,8 tiêu chí/xã so với năm 2023); 93 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu; 04 thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt chuẩn thôn nông thôn mới. Tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ trình Bộ NN&PTNT thẩm định đối với 02 huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định 3 huyện đạt chuẩn năm 2023-2024 và huyện Gio Linh đạt chuẩn NTM năm 2025 và xây dựng nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới thôn bản. Xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó quan trọng nhất là sự quyết tâm và trách nhiệm của địa phương (huyện, xã). Do vậy, ngoài sự chỉ đạo của UBND tỉnh, hỗ trợ của các sở, ngành, đề nghị các địa phương cần quyết tâm, chủ động, quyết liệt để tổ chức thực hiện đảm bảo mục tiêu kế hoạch đề ra.

(ii) Tổ đại biểu Vĩnh Linh có ý kiến:

- **Kiến nghị:** Tại Điều 5 Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét bổ sung thêm đối tượng hỗ trợ giao đất, giao rừng tự nhiên là tổ chức kinh tế hợp tác xã; nhu cầu

nhận đất, nhận rừng khá lớn nhưng hàng năm toàn tỉnh bố trí 500 ha là quá thấp, cần nâng diện tích hỗ trợ lên 2.000 ha/năm; bổ sung quy định mức chi cho người không hưởng lương khi tham gia hoạt động truy quét, tuần tra, bảo vệ rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

1) Xem xét bổ sung thêm đối tượng hỗ trợ giao đất, giao rừng tự nhiên là tổ chức kinh tế hợp tác xã:

Tại khoản 2, Điều 8, Luật Lâm nghiệp quy định Chủ rừng: “Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật...”

Tại điểm b, khoản 2, điều 16, Luật Lâm nghiệp quy định về giao rừng cho “Tổ chức kinh tế đối với rừng phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng sản xuất của tổ chức đó”; như vậy, hợp tác xã được giao rừng tự nhiên phòng hộ nếu diện tích rừng tự nhiên phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng mà trước đó được nhà nước giao cho Hợp tác xã.

Luật Lâm nghiệp không quy định giao rừng tự nhiên là rừng sản xuất cho đối tượng là tổ chức kinh tế hợp tác xã.

2) Nhu cầu nhận đất, nhận rừng khá lớn nhưng hàng năm toàn tỉnh bố trí 500 ha là quá thấp, cần nâng diện tích hỗ trợ lên 2.000 ha/năm

- Hiện, toàn tỉnh có 24.961 ha rừng tự nhiên chưa giao, chưa cho thuê, hiện do UBND xã đang tạm quản lý. Việc hỗ trợ tăng diện tích giao rừng tự nhiên lên 2.000 – 5.000 ha/năm để đảm bảo diện tích rừng ngày càng có chủ thực sự là cần thiết. Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách địa phương đang khó khăn, rất cần sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện giao toàn bộ diện tích rừng tự nhiên do UBND xã đang tạm quản lý nhằm đảm bảo diện tích rừng trên địa bàn toàn tỉnh phải có chủ thực sự, đáp ứng hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng hiện nay.

- Trong quá trình xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí giao đất, giao rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình, cá nhân, căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên chưa giao hiện do UBND cấp xã quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất hỗ trợ khoảng 1.000 ha/năm, tuy nhiên, với khả năng cân đối ngân sách hàng năm có thể đảm bảo hỗ trợ 500 ha/năm. Vì vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh quy định Chính sách hỗ trợ kinh phí giao đất, giao rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình, cá nhân với diện tích 500 ha/năm (đối tượng rừng giao là rừng tự nhiên do UBND xã đang tạm quản lý; đối tượng nhận rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thường trú tại địa phương) tại Nghị quyết 33/2023/NQ-HĐND.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu thực tế, UBND huyện lập kế hoạch giao rừng trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31/12 làm căn cứ thực hiện. Ngoài ngân sách tỉnh, đề nghị UBND xã đề xuất nhu cầu, huyện tổng hợp và cân đối ngân sách huyện hoặc lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí cho giao đất, giao rừng.

Hiện nay, đối với diện tích rừng tự nhiên do UBND xã quản lý, hàng năm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cơ sở (100.000 đồng/ha/năm) từ nguồn Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Tiểu dự án 1 - Dự án 3 Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và hưởng kinh phí từ nguồn chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (khoảng 150.000 đồng/ha/năm). UBND xã sử dụng kinh phí này tổ chức quản lý bảo vệ rừng, tổ chức các hoạt động chống chặt phá rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng.

3) Bổ sung quy định mức chi cho người không hưởng lương khi tham gia hoạt động truy quét, tuần tra, bảo vệ rừng

Điều 6, Nghị quyết 33/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định mức chi cho thành viên tổ chốt chặn bảo vệ rừng như sau:

- Đối tượng hỗ trợ là thành viên tham gia các tổ chốt chặn bảo vệ rừng được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Điều kiện hỗ trợ: được chi trả kinh phí trong thời gian được huy động tham gia tổ chốt chặn.

- Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/ người/ ngày.

- **Kiến nghị:** Thực hiện Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh, đối với Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh. Đề nghị UBND tỉnh đề xuất Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan cho kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2024 để có thời gian thi công hoàn thành toàn bộ công trình.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

- Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh là một trong 02 dự án khẩn cấp của tỉnh¹ được hỗ trợ từ nguồn ngân sách dự phòng theo Quyết định số 105/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Dự án có tổng mức đầu tư 22,5 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 20 tỷ đồng, ngân sách huyện 2,5 tỷ đồng), với quy mô bố trí sắp xếp cho 50 hộ dân, đến 31/12/2023 tỷ lệ giải ngân đạt 27,68% (5.535.838.000 đồng) đến nay Trung ương đã thu hồi vốn.

Ngày 04/5/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 3003/VPCP-KTTH truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (Ủy ban nhân dân các tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao có trách nhiệm sử dụng ngân sách địa phương theo quy định để bố trí đủ số vốn còn thiếu đối với các dự án ổn định dân di cư tự do và dự án vùng thiên tai cấp bách đã được hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022 theo Quyết định số 105/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Do đó, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2105/UBND- KT ngày 08/5/2024 giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở ngành có liên quan tìm giải

¹ Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Húc Nghi, huyện Đakrông và Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh

pháp tháo gỡ cho 02 dự án di dân khẩn cấp nói trên. Đồng thời về phía Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 1762/SNN-PTNT ngày 03/6/2024 đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tìm giải pháp về nguồn vốn cho 02 dự án này.

Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo chi tiết về bố trí nguồn vốn còn thiếu cho 02 dự án (Cù bạc huyện Vĩnh Linh và Húc Nghi huyện Đakrong).

- **Kiến nghị:** Thực hiện Nghị quyết số 100/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh có biện pháp đơn giản hóa mẫu Dự án để thuận lợi cho đối tượng vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Triển khai Nghị quyết số 100/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, ngày 5/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các địa phương ban hành hướng dẫn số 1065/HD-SNN về thực hiện Nghị quyết số 100/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh, trong đó có hướng dẫn mẫu dự án để các địa phương triển khai thực hiện.

Mẫu dự án này được kế thừa từ mẫu dự án áp dụng tại Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020, do thực tiễn quá trình thực Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND tại các huyện như (Triệu Phong, Thị xã Quảng Trị, Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hóa) khá thuận lợi, có tỷ lệ giải ngân rất cao và chưa thấy phản ánh khó khăn, vướng mắc. Do đó, Sở Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã thống nhất tiếp tục áp dụng theo biểu mẫu này. Với ý kiến phản ánh của cử tri lần này, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và sẽ tổ chức kiểm tra thực tế tại các địa phương để xem xét sửa đổi phù hợp và theo đúng quy định.

- **Kiến nghị:** Thực hiện Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh giảm tỷ lệ vốn đối ứng của Nhân dân tại một số công trình có mức đầu tư lớn như: Công trình giáo dục, Công trình văn hóa, Hạ tầng thương mại nông thôn.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Quá trình xây dựng Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh đã có sự điều chỉnh giảm tỷ lệ vốn đối ứng của Nhân dân so với giai đoạn trước đây (tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020), cụ thể:

+ Công trình giáo dục: đã mở rộng nhóm địa bàn ưu tiên hỗ trợ so với trước đây gồm 2 địa bàn là các xã ĐBK và các xã còn lại; thành 03 địa bàn là các xã ĐBK, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, khu vực II) và các xã còn lại.

+ Công trình văn hóa: tỷ lệ phần trăm hỗ trợ giữa ngân sách nhà nước với

dân góp và nguồn vốn khác đối với công trình nhà văn hóa xã trước đây là 90-10 (xã ĐBK), sân thể thao xã là 70-30 (xã còn lại), đã được điều chỉnh giảm mức đóng góp thành 95-5 (xã ĐBK, xã vùng DTTS), 80-20 (xã còn lại); công trình nhà văn hóa và khu thể thao thôn từ mức hỗ trợ 60-40 (xã còn lại), đã được điều chỉnh thành 80-20 (xã còn lại);

+ Công trình hạ tầng thương mại nông thôn: đã bỏ định mức hỗ trợ tối đa của giai đoạn trước và thay bằng mức hỗ trợ theo 3 nhóm địa bàn, trong đó đã tập trung ưu tiên cho các địa bàn khó khăn, nơi huy động các nguồn lực còn hạn chế.

Tuy nhiên, thực tế thực hiện Nghị quyết có phát sinh những khó khăn, vướng mắc trong huy động nguồn vốn đối ứng của Nhân dân như phản ánh của cử tri huyện Vĩnh Linh. Đối với nội dung này, ngày 02/4/2024, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2023, nhằm đánh giá lại việc thực hiện, xác định các tồn tại, hạn chế cũng như các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh. Tại hội nghị, trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, địa phương trong tỉnh, UBND tỉnh đã thông nhất chủ trương tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh đến năm 2025, sau đó sẽ đánh giá và đề xuất sửa đổi, điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo (tại Thông báo số 343/TB-VP ngày 08/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng tại Hội nghị sơ kết đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2023).

(iii) Tổ đại biểu Triệu Phong có ý kiến: Sản xuất nông nghiệp ở một số xã thuộc huyện Triệu Phong bị ốc brou vàng hại lúa non, dùng thuốc diệt ốc vừa tốn chi phí vừa ảnh hưởng môi trường; những năm trước đây trồng cây sen đã phát huy hiệu quả, song những năm gần đây cây sen bị bệnh thán thư và một số bệnh khác chưa có thuốc đặc trị; chăn nuôi lợn bị dịch tả lợn châu phi, nhiều gia đình không tái đàn. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở NN&PTNT làm rõ giải pháp đảm bảo sản xuất nông nghiệp nêu trên ở huyện Triệu Phong.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

a. a. Đối với vấn đề Ốc brou vàng: Ốc brou vàng hại lúa là sinh vật ngoại lai, sinh sản nhanh và khó phòng trừ. Trong những năm gần đây tình hình mưa lũ diễn biến phức tạp, tạo điều kiện để ốc brou vàng phát tán và lây lan trên diện rộng. Nhận thức được sự nguy hại của ốc brou vàng, trước mỗi vụ sản xuất Sở Nông nghiệp và PTNT đều ban hành kế hoạch phát động toàn dân ra quân diệt chuột, ốc brou vàng và trừ cây mai dương. Bên cạnh đó, thường xuyên hướng dẫn người dân các biện pháp phòng trừ các đối tượng dịch hại một cách hiệu quả. Do vậy, năng suất sản lượng lúa hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Qua ý kiến cử tri, một số vùng ốc brou vàng gây hại lúa non, phòng trừ gây tốn kém chi phí, ảnh hưởng môi trường, vì vậy đề hạn chế tác hại của ốc brou vàng đề nghị cử tri quan tâm một số giải pháp sau: Cần tuân thủ hướng

dẫn của cơ quan chuyên môn là gieo cấy tập trung, đúng khung lịch thời vụ; Thường xuyên thăm đồng để bắt ốc, thu gom ổ trứng đem tiêu hủy, đây là biện pháp hiệu quả, dễ thực hiện, ít ảnh hưởng đến môi trường. Đối với trường hợp khi ốc có mật độ quá cao, ốc còn nhỏ và có nguy cơ ảnh hưởng lớn cây lúa thì phải sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc “4 đúng” nhằm hạn chế thấp nhất tác động đến môi trường. kết quả, hàng vụ đã thu gom và tiêu hủy hơn 10 tấn ốc brou vàng.

b. Đối với vấn đề cây Sen: Trong những năm trở lại đây, cây Sen được người dân đầu tư, phát triển chuyển đổi trên các vùng ruộng trồng lúa sâu, trũng không chủ động tiêu úng, vùng ao hồ,.. đã mang lại hiệu quả kinh tế tương đối cao. Tuy nhiên, việc trồng độc canh, qua nhiều năm trên cùng một vùng đất nên đã xuất hiện nhiều đối tượng sâu bệnh gây hại, đặc biệt bệnh thán thư hại trên cây sen. Để hạn chế đến mức thấp nhất các đối tượng sâu bệnh gây hại, các địa phương cần tập trung đồng bộ các giải pháp sau:

- Rà soát quy hoạch vùng trồng sen tập trung mang tính hàng hóa để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, đê bao,...).
- Quy hoạch vùng chuyên sản xuất giống sen hoặc chỉ mua giống sen tại các cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Tránh mua giống trôi nổi trên thị trường
- Tiến hành luân canh cây trồng (trồng sen 1-2 năm sau đó chuyển sang trồng lúa hoặc trồng lúa kết hợp nuôi cá,...) để thay đổi môi trường, ký chủ.
- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng để kịp thời phát hiện, hướng dẫn tổ chức phòng trừ đúng quy định tránh ảnh hưởng đến môi trường, chất lượng sản phẩm.

Ngành Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục chỉ đạo, phân công các cơ quan chuyên môn cử cán bộ thường xuyên phối hợp với các địa phương để tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cây sen để chuyển giao cho bà con nông dân.

c. Về Chăn nuôi lợn bị dịch tả lợn châu phi, nhiều gia đình không tái đàn

Để phát triển sản xuất chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn của huyện Triệu Phong trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND huyện Triệu Phong cần chỉ đạo các cơ quan và chính quyền địa phương trên địa bàn thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

- Tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi của tỉnh, của huyện để người dân biết và tham gia thực hiện.
- Theo dõi chặt chẽ tình hình chăn nuôi, chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Tiêm đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn đạt 80% tổng đàn trở lên.

+ Đối với chăn nuôi lợn: Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi

trường; phát triển chăn nuôi chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn sinh học.

+ Đối với đàn bò: Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng bò thịt thâm canh; phát triển các mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao BBB; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.

+ Đối với đàn gia cầm: Phát triển theo quy mô công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học, đẩy mạnh phát triển các trang trại chăn nuôi gà theo hướng liên kết.

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết với Doanh nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hoá vào sản xuất, tìm kiếm, nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả vào sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thực hiện tốt việc kê khai hoạt động chăn nuôi và kiểm tra đánh giá điều kiện chăn nuôi quy mô trang trại, điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất chăn nuôi.

(iv) Tổ đại biểu Hướng Hóa có ý kiến:

- *Hướng Hóa là một huyện được phân bổ nguồn lực đầu tư rất lớn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Hiện nay, do thực hiện cơ chế, chính sách chưa triệt để, vướng mắc thủ tục nên giải ngân vốn chậm có thể bị cắt vốn, chuyển vốn. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.*

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Đối với nội dung các Chương trình MTQG do Sở Nông nghiệp và PTNT phụ trách, hiện nay các cơ chế chính sách cơ bản thuận lợi, riêng đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất của các Chương trình MTQG gặp nhiều vướng mắc nhưng cơ bản đã được tháo gỡ (Tại các văn bản Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025). Ngoài ra hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 24/6/2024) sửa đổi các Nghị quyết, trong đó có Nghị quyết số 99/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh để kịp sửa đổi, bổ sung một số nội dung tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện.

Đối với những vướng mắc về đối tượng hỗ trợ trong phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG hiện chưa được tháo gỡ (quy định chỉ hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo; HTX phải có 70% lao động địa phương), Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ phối hợp với Ban Dân tộc tiếp tục tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương. Tuy nhiên nội dung này chỉ vướng mắc đối với các dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị, đối với dự án hỗ trợ cộng đồng không ảnh hưởng. Hiện nay

ở huyện Hướng Hóa đều phân bổ kinh phí cho các địa phương để thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng. Do vậy, đề nghị UBND huyện Hướng Hóa tập trung chỉ đạo thực hiện, đảm bảo giải ngân nguồn vốn đúng quy định.

- **Kiến nghị:** Triển khai thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, hiện nay đang khó khăn do nhu cầu nguồn vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng rất lớn, trong khi khả năng huy động nguồn vốn xã hội hóa không nhiều, do đó nhiều xã, đặc biệt là các xã thuộc lộ trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu không thể hoàn thiện các tiêu chí. Đề nghị UBND tỉnh đề xuất Tỉnh ủy điều chỉnh lại mục tiêu thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và trình HĐND tỉnh có cơ chế đặc thù tập trung đầu tư thêm nguồn lực để hỗ trợ cho 1 xã của huyện Hướng Hóa đạt chuẩn nông thôn mới.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

- Về điều chỉnh mục tiêu thực hiện của huyện Hướng Hóa

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 4/11/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong đó trên cơ sở đăng ký của các địa phương, UBND tỉnh đã thống nhất mục tiêu đến năm 2025 đối với huyện Hướng Hóa tại Kế hoạch số 130/KH-UBND của UBND tỉnh là: đối với đăng ký xã đạt chuẩn NTM có 3 xã Hướng Phùng, Hướng Tân, xã Thuận; đối với xã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu có 03 xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao (Tân Long, Tân Thành, Tân Lập), 02 xã đăng ký đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Tân Hợp, Tân Liên). Tuy nhiên, quá trình thực hiện, đến nay huyện Hướng Hóa chỉ đăng ký 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Hướng Phùng, Hướng Tân, xã Thuận) và 01 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Tân Hợp). Do vậy, đề nghị huyện Hướng Hóa tập trung chỉ đạo các xã trên đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch đã đăng ký. Về mục tiêu xã nâng cao, kiểu mẫu, hiện nay toàn tỉnh đã có 16 xã nâng cao (mục tiêu 18 xã) và tỉnh đang tập trung chỉ đạo phấn đấu có 8 xã kiểu mẫu theo mục tiêu của tỉnh (không có xã của huyện Hướng Hóa). Vì vậy, đối với huyện Hướng Hóa cần tập trung duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với 5 xã đã được công nhận đạt chuẩn đang bị rớt chuẩn.

- Về cơ chế đặc thù tập trung đầu tư thêm nguồn lực để hỗ trợ cho 1 xã của huyện Hướng Hóa đạt chuẩn nông thôn mới:

Để hỗ trợ đạt chuẩn nông thôn mới trong những năm qua, ngoài các nguồn vốn hỗ trợ lồng ghép khác, UBND tỉnh đã dành nguồn lực ngân sách địa phương để hỗ trợ cho các xã đăng ký đạt chuẩn trung bình 3 tỷ đồng/xã. Đồng thời, để có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND tỉnh trong đó đã ưu tiên bố trí thêm nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ với mức 4 tỷ đồng/xã. Trong năm 2024, UBND tỉnh đã bố trí cho các 3 xã (Hướng Phùng, Hướng Tân, xã Thuận) của huyện Hướng Hóa 2 tỷ đồng/xã và năm 2025 bố trí tiếp phần còn lại.

- **Kiến nghị:** Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đề nghị UBND tỉnh có giải pháp thiết thực trợ giúp hộ nghèo, cận nghèo, người dân vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, hỗ trợ xóa nhà tạm.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

- Trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và PTNT cùng với các địa phương đã quan tâm chỉ đạo phát triển sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm thay đổi tư duy, thói quen, tập quán sản xuất; tăng cường công tác tập huấn, đào tạo về kỹ thuật sản xuất nhằm nâng cao năng lực cho người dân hướng đến sản xuất bền vững. Thông qua nhiều chính sách của tỉnh như chương trình khuyến nông, sự nghiệp kinh tế của ngành, Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND, các chương trình MTQG đã giúp người dân nhân rộng và phát triển nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi đem lại thu nhập khá bền vững cho bà con như sắn, chuối, cà phê, chanh leo; dược liệu; cây ăn quả; chăn nuôi các đối tượng bản địa, bò chuyên thịt; trồng rừng và lâm sản ngoài gỗ...

- Hướng dẫn người dân đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết kết thông qua HTX, tổ hợp tác. Ngành cũng đã hướng dẫn và hỗ trợ nông dân thành lập các HTX, tổ hợp tác; tạo môi trường thuận lợi thu hút doanh nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi; trong đó ở các huyện thuộc miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số (Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh) năm 2017 chỉ có 01 HTX NN nhưng đến nay đã tăng lên 26 HTX nông nghiệp, trong đó có 8 HTX xếp loại khá tốt, một số HTX đã có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị như HTX Tân Hợp, HTX Khe Sanh, HTX Sơn Nguyên, các hợp tác xã này đã thu hút nhiều đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số tham gia thành viên và liên kết tạo việc làm và tăng thu nhập ổn định.

- Đã kết nối kêu gọi được các Doanh nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi khá bền vững như chuỗi cà phê sinh thái, chuỗi chanh leo; hiện nay đang kết nối liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm chuối. Từng bước vận động, tuyên truyền người dân sản xuất đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, đạt chứng nhận sản phẩm OCOP, đến nay trên địa bàn 2 huyện Hướng Hóa, Đakrông có 25 sản phẩm OCOP, trong đó 8 sản phẩm OCOP 4 sao.

- Giai đoạn 2021-2025, ngoài chương trình giảm nghèo bền vững, Chính phủ đã ban hành thêm Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; điều này thể hiện sự quan tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước đối với việc xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đối tượng hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Với trách nhiệm là cơ quan được giao tham mưu nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất trong các Chương trình MTQG, Sở Nông nghiệp và PTNT đã kịp thời tham mưu cụ thể hóa các cơ chế chính sách để triển khai nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 quy định về nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về

ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh (Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 24/6/2024) tiếp tục đề nghị sửa đổi các Nghị quyết như: 161/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 99/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh để kịp sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp trong đó có nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp tục đồng hành với các địa phương trong việc hướng dẫn thực hiện phát triển sản xuất; đồng thời tiếp tục tham mưu UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất Trung ương tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho tỉnh để triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất.

(v) Tổ đại biểu Đakrông có ý kiến:

- Hiện nay địa phương đang áp dụng quy định của Bộ NN&PTNT để xây dựng, thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia. Tuy nhiên, quy định của Bộ NN&PTNT là quy định chung, có nhiều nội dung dự án cần nhưng chưa quy định. Ví dụ: Áp dụng định mức để trồng cỏ trong chăn nuôi...Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực NN&PTNT áp dụng trên địa bàn tỉnh để áp dụng xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia; hướng dẫn bộ tiêu chí đánh giá hộ có kinh nghiệm sản xuất giỏi để có cơ sở triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình liên kết chuỗi.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

- Về định mức kinh tế - kỹ thuật: Để tháo gỡ khó khăn trong thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp và các chương trình MTQG; hiện nay, đối với những định mức kinh tế - kỹ thuật chưa được cấp có thẩm quyền ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đang rà soát, tham mưu xây dựng những định mức kinh tế - kỹ thuật cho các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp và PTNT phù hợp với thực tiễn sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng trị. Bản dự thảo cũng đã được lấy ý kiến các Bộ, Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan. Hiện đang tổng hợp để thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

- Đối với nội dung “hướng dẫn bộ tiêu chí đánh giá hộ có kinh nghiệm sản xuất giỏi để có cơ sở triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình liên kết chuỗi”.

Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là “Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận” được quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tuy nhiên, đối với quy định về tiêu chí để xác nhận “thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi” thì chưa được trung ương quy định cụ thể. Nội dung này, Sở Nông nghiệp và PTNT cũng đã tham mưu UBND tỉnh có Văn bản số 4916/UBND-KT ngày 26/9/2023 gửi Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, Ủy Ban Dân tộc đề nghị hướng dẫn và đã kiến nghị tại các cuộc họp, hội thảo. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của các Bộ ngành Trung ương.

- **Kiến nghị:** Đakrông là huyện miền núi nên việc đầu tư xây dựng các công trình thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia (công trình xây dựng mới) có mặt bằng chủ yếu là đất rừng các loại cần phải làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và trồng rừng thay thế. Tuy nhiên, thủ tục chuyển đổi tương đối phức tạp, qua nhiều cấp (Các dự án đầu tư xây dựng chủ yếu cấp huyện quyết định đầu tư nhưng thủ tục chuyển đổi do chính quyền cấp tỉnh quyết định). Bên cạnh đó, định mức chi công tác tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng quá thấp (khoảng 1.310.000 đồng/ha), trong khi thực tế các đơn vị tư vấn yêu cầu phải khoảng tối thiểu 10-12 triệu/ha mới có khả năng thực hiện. Đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh định mức chi phí tư vấn lập hồ sơ chuyển đổi và chỉ đạo các ngành chức năng đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuyển đổi.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng (CMĐSDR) sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án được quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018.

Đơn giá cho công tác tư vấn lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng hiện nay về thực tế là chưa có, một số đơn vị thực hiện dự án đầu tư công hiện đang vận dụng đơn giá quy định tại Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá điều tra, quy hoạch, khảo sát thiết kế các công trình nông – lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong đó vận dụng đơn giá “Điều tra, khảo sát rừng tự nhiên” là 1.164.971 đ/ha (trước thuế), và “Điều tra, khảo sát rừng trồng” là 526.729 đ/ha (trước thuế), việc vận dụng đơn giá này đang có nhiều bất cập vì những lý do sau: 1) Đơn giá nói trên chỉ mới tính phần điều tra, khảo sát rừng, chưa tính đến các chi phí để lập, thẩm định, phê duyệt,... hồ sơ CMĐSDR; 2) Đơn giá nói trên được lập và phê duyệt tại thời điểm tính lương cơ sở ở mức 1.300.000 đ/tháng, hiện nay mức lương cơ sở đã tăng lên 2.340.000 đ/tháng; 3) Đơn giá nói trên được lập theo Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các văn bản có liên quan nay đã bị bãi bỏ, trong đó chưa áp dụng các hệ số điều chỉnh theo quy định; 4) Đơn giá chưa tính đến các trường hợp có diện tích rừng CMĐSDR quá nhỏ (có công trình chỉ vài trăm mét vuông), manh mún, rải rác,... dẫn đến khi nhân với khối lượng chỉ là vài chục đồng cho một công trình trong khi vẫn phải thực hiện đầy đủ các bước, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Vì vậy, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương xây dựng đơn giá công tác tư vấn lập hồ sơ CMĐSDR (thẩm quyền ban hành thuộc

về UBND tỉnh); trước mắt đề nghị các Chủ đầu tư dự án xây dựng dự toán công tác tư vấn lập hồ sơ CMĐSDR cho từng công trình cụ thể trên cơ sở định mức quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng, tính đúng, tính đủ các hệ số, sát với điều kiện thực tế, tiến hành thương thảo với đơn vị tư vấn theo nguyên tắc thị trường (trên địa bàn tỉnh Trung tâm Điều tra, quy hoạch thiết kế nông-lâm tỉnh là đơn vị tự chủ về kinh phí nên cần được tính đúng, tính đủ chi phí để thực hiện công trình bảo đảm chất lượng, ngoài ra các đơn vị khác cũng có thể tham gia thực hiện).

(vi). Huyện Gio Linh kiến nghị: *Đề nghị UBND tỉnh sớm bố trí vốn ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác) theo quy định của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ quy định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp để đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả việc bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.*

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ Quy định một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp sẽ có hiệu lực từ ngày 15/7/2024. Hiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang có văn bản số 1919/SNN-KHTC ngày 13/6/2024 gửi các địa phương đơn vị báo đánh giá kết quả giai đoạn 2021-2024, năm 2024 thực hiện Chương trình PTLNBV và Tiểu dự án 1, Dự án 3; xây dựng kế hoạch năm 2025 và đề xuất Chương trình giai đoạn tới theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn văn bản số 4110/BNN-LN ngày 10/6/2024; Công văn số 1825/SNN-KHTC ngày 06/6/2024 về việc lập dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG, đến ngày 17/6/2024. Theo đó mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư kế hoạch năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ làm cơ sở để bố trí vốn. Đối với nhu cầu kinh phí năm 2025: Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững là 37.542 triệu; nhu cầu vốn Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 26.365 triệu đồng.

(vii) Cử tri huyện Hải Lăng kiến nghị (Theo Báo cáo Tổng hợp ý kiến tiếp xúc cử tri của Tổ Đại biểu Hải Lăng -TX Quảng Trị): *Người dân gặp một số khó khăn trong tiếp cận các chính sách trong sản xuất lúa hữu cơ: Theo Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh “về phát triển cây lúa theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm” thì điều kiện hỗ trợ chưa yêu cầu phải có giấy chứng nhận hữu cơ. Tuy nhiên, theo công văn 260/UBND-KT ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị lại bổ sung thêm yêu cầu “Những diện tích hỗ trợ sản xuất từ Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND phải gắn với chứng nhận hữu cơ, nếu không chứng nhận sẽ không được hỗ trợ”. Vì vậy việc thực hiện chính sách phát triển cây lúa theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ nói riêng và các chính sách khác theo Nghị quyết 162/2021/NQ-*

HĐND sẽ rất khó khăn khi triển khai thực hiện. Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh nội dung công văn nêu trên để thuận lợi triển khai thực hiện việc hỗ trợ sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tỉnh Quảng Trị xác định mục tiêu biến những điều kiện bất lợi thành lợi thế cạnh tranh, phấn đấu trở thành tỉnh đi đầu về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, trong đó có cây Lúa. Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII xác định mục tiêu đạt 1.000 ha lúa hữu cơ vào năm 2025.

Để thực hiện mục tiêu Nghị quyết, HĐND tỉnh đã ban hành chính sách phát triển cây lúa theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư nông nghiệp thiết yếu phục vụ sản xuất lúa hữu cơ) để hướng tới chứng nhận hữu cơ tại Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, qua quá trình kiểm tra giám sát tại các địa phương thực hiện Chính sách từ Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND đã hỗ trợ 02 vụ liên tục nhưng sau đó trở lại sản xuất lúa thông thường, không đúng với mục tiêu của Nghị quyết gây lãng phí ngân sách Nhà nước. Sau 2 năm (04 vụ sản xuất) triển khai thực hiện Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND, ngân sách tỉnh đã Hỗ trợ nông dân các địa phương phát triển sản xuất lúa hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với diện tích 837,4 ha, tuy nhiên đến nay diện tích chứng nhận hữu cơ mới đạt hơn 350 ha sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, canh tác tự nhiên (đạt 35% chỉ tiêu Nghị quyết tỉnh đảng bộ lần thứ XVII đề ra).

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh góp phần phấn đấu đạt mục tiêu Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII đề ra, việc ban hành quy định “Những diện tích hỗ trợ sản xuất từ Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND phải gắn với chứng nhận hữu cơ, nếu không chứng nhận sẽ không được hỗ trợ” tại văn bản số 260/UBND-KT ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về tăng cường chỉ đạo nhân rộng diện tích sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết.

Bên cạnh đó, Hải Lăng là huyện trọng điểm sản xuất lúa và cũng là địa phương đi đầu trong các mô hình canh tác Lúa ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết huyện Đảng bộ cũng đã đặt mục tiêu đạt 1.000 ha lúa hữu cơ vào năm 2025. Tuy nhiên, thực tế tổ chức sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn còn rất ít, khó đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Do đó đề nghị UBND huyện Hải Lăng chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương tuyên truyền, đẩy mạnh sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ gắn với chứng nhận nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất Lúa trên địa bàn huyện nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung.

2. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND, Nghị

quyết số 69/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

(viii) Tổ đại biểu Vĩnh Linh có ý kiến: Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét tăng hỗ trợ mô hình lúa cho 1 vùng sản xuất từ 1 lên 3 vụ, đảm bảo đồng bộ chính sách với quy định hỗ trợ phát triển sản xuất các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng hỗ trợ số lượng mô hình bò đáp ứng nhu cầu đăng ký của người dân.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Chính sách Nghị quyết quy định, hỗ trợ tối đa không quá 02 vụ liên tiếp cho 1 vùng sản xuất. Tuy nhiên, trong tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ 2 vụ đầu tiên năng suất thường thấp hơn sản xuất truyền thống, hiệu quả kinh tế không chênh lệch so với canh tác thông thường nên chưa khuyến khích người dân tham gia. Từ vụ thứ 3 trở đi, khi đất đã được cải tạo năng suất lúa tăng, hiệu quả kinh tế mang lại khá tương xứng với chi phí đầu tư nên khuyến khích được người dân tham gia sản xuất, chứng nhận. Ngoài ra, hiện nay chính sách hỗ trợ liên kết trong thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG được quy định tại Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND tỉnh quy định hỗ trợ tối đa 3 vụ.

Do vậy, ngành Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành “Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn” trong kỳ họp này trong đó có đề xuất hỗ trợ giống, vật tư để phục vụ sản xuất lúa hữu cơ 03 vụ liên tục (tăng 01 vụ so với Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND) và theo hướng mỗi năm hỗ trợ 10 mô hình chăn nuôi bò thịt thâm canh chuyên thịt để phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp của tỉnh và nhu cầu, nguyện vọng của người chăn nuôi trên địa bàn.
